

Số: 297/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2016

THÔNG TƯ

**Về cấp, quản lý và sử dụng Giấy chứng nhận
đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán**

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư về cấp, quản lý và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về cấp, quản lý và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán).

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp, quản lý và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

Điều 3. Đối tượng được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán được cấp cho công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 60 Luật Kế toán.

Điều 4. Nguyên tắc lập hồ sơ

1. Các bản sao giấy tờ, văn bản phải được chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán được làm bằng tiếng Việt. Các giấy tờ kèm theo đơn đề nghị bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Giấy tờ do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp hoặc công chứng, chứng thực ở nước ngoài phải được hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hoá lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ gửi Bộ Tài chính.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán thực hiện theo quy định tại Điều 61 Luật Kế toán.

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán đối với chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán gửi một bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này tới Bộ Tài chính và nộp phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

3. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm các thông tin chính sau đây:

a) Tên doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán; Tên doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán bằng tiếng nước ngoài (nếu có); Tên viết tắt (nếu có); Địa chỉ trụ sở chính;

b) Họ và tên người đại diện theo pháp luật, họ và tên Giám đốc (Tổng Giám đốc) của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán;

c) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán;

d) Các điều khoản, điều kiện doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán phải tuân thủ khi sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

4. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật Kế toán.

Điều 6. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán

1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán phải làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật Kế toán.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật Kế toán.

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 63 Luật Kế toán thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 Luật Kế toán thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán phải đề nghị Bộ Tài chính cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có sự thay đổi các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 63 Luật Kế toán hoặc kể từ ngày phát hiện Giấy chứng nhận kinh doanh dịch vụ kế toán bị mất hoặc bị hư hỏng. Thời hạn cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Luật Kế toán.

Điều 7. Nộp phí

Tổ chức đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán phải nộp phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 8. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán

1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Kế toán.

2. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán phải ngừng kinh doanh dịch vụ kế toán trong thời hạn bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán theo quyết định đình chỉ của Bộ Tài chính. Hết thời hạn bị đình chỉ, nếu doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán đáp ứng được các điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định thì Bộ Tài chính bổ sung tên doanh nghiệp vào danh sách công khai các doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

Điều 9. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán